

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ DOANH NGHIỆP

Corporate Internet Banking service information change application form

企业网银服务信息变更申请书

Bản/Version/版: 202502

THÔNG TIN TÀI KHOẢN • Account Information • 账户信息		
Tên tài khoản/Account name/客户户名		
Mã số khách hàng/Customer number/客户编号		
THAY ĐỔI CHUNG • Change of General Information • 变更基本信息		
Thay đổi hạn mức chuyển khoản tự động một lần/ Change the single transaction limit/变更单笔自动转账汇款交易限额		
Thay đổi hạn mức chuyển khoản một lần dịch vụ Ngân hàng từ xa/ Change the single automatic transaction limit of Remote banking/ 变更远程离柜业务单笔汇款交易限额		
Thay đổi khác/Other/其他变更		
THÊM ID • ADD ID • 新增用户		
☐ Token-key ☐ Digital Token ☐ Vắn tin • Check • 查询 ☐ Thao tác • Submit • 提交 ☐ Duyệt • Authorization • 审核: + Số tiền từ • Amount from • 金额从: đến/to 至: + Cấp duyệt thứ • Level authorization • 级授权: (Trong đó, số người tham gia duyệt nhóm này: Among them, the number of authorized participants in this group: 其中, 本组需参加授权人数:) ID này thuộc nhóm • This ID belongs to • 本用户属于 : ☐ 法人代表与被授权人 • Legal representative and Authorized Person(s) • Người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền ☐ 会计长 • Chief Accountant and Authorized Person(s) • Kế toán trưởng và người được ủy quyền	Họ và tên/Name/名称	
	CMT/Hộ chiếu/ID/ Passport No / 证件号码	
	Số điện thoại/ Phone number/手机号码	
	Hộp thư điện tử/Email/邮箱	
THAY ĐỔI ID • CHANGE OF ID • ID 变更		
☐ Giải băng ID/Unfreeze/解冻 ID (1) ☐ Hủy ID/Cancel/注销 ID (2) ☐ Cấp lại mật khẩu đăng nhập/Reset login password/重置登录密码 (3) ☐ ID này thuộc nhóm/This ID belongs to/本用户属于 (4): ☐ Người đại diện theo pháp luật • Legal representative • 法人代表 ☐ Kế toán trưởng • Chief Accountant • 会计长	Tên ID/ID Name/ID 名称	
	Hộp thư điện tử/Email/邮箱	
	Số điện thoại/Phone No./电话	
THAY ĐỔI TOKEN-KEY • CHANGE OF TOKEN-KEY • 密码器变更		
☐ Đăng ký mới/Issue/新注册 (5) ☐ Hủy/Delete/作废 (6) ☐ Thay đổi Token-key/Change Token-key/更换密码器 (7)	Tên ID/ID Name/ID 名称	
	Mã số Token-key/ Token-key No/密码器序列号	
	Hộp thư điện tử/Email/邮箱	

Tài khoản thu phí/收费账号/ fee pay account.	Mã khóa (8 số) /Lockcode (8 digits)/锁码 (8 位数) (Khách hàng cần làm thay đổi mục (8) vui lòng điền nội dung này /Customer applying for (8) please fill in/客户申请第(8)业务请填写此项)	
☐ Giải băng-kích hoạt mới Token-key/ (8) Unfree-reactive Token-key/解冻-重新激活密码器		

THAY ĐỔI DIGITAL TOKEN • CHANGE OF DIGITAL TOKEN • 数字密码器变更

☐ Đăng ký mới/Issue/新注册 (9)	Tên ID/ID Name/ID 名称	
☐ Hủy/Delete/作废 (10)		
☐ Cấp lại mật khẩu Digital Token/Reset Digital Token password/ 重置数字密码器密码 (11)	Hộp thư điện tử/Email	

“Đơn Đăng ký thay đổi dịch vụ ngân hàng điện tử doanh nghiệp” này là một phần không thể tách rời của Đề nghị mở tài khoản đã được ký bởi Khách hàng. Khách hàng đồng ý rằng các nội dung không được quy định tại Đơn này, sẽ áp dụng quy định liên quan tại Đề nghị mở tài khoản đó. *This “Corporate Internet Banking service information change application form” shall be considered as an integral part of the Application for Opening Bank Account, the contents not specified in this application will apply the relevant provisions in the Application for Opening Bank Account.* 本《企业网银服务信息变更申请书》是客户已签署的开户申请不可分割的一部分，客户同意在本申请书未提到的相关规定，则以该开户申请为准。

Chú ý/Note/注释:

Đối với các nghiệp vụ cấp lại mật khẩu đăng nhập/Digital Token, giải băng-kích hoạt mới Token-key, Ngân hàng sẽ gửi mật khẩu mới đến Hộp thư điện tử của người đăng ký ở trên. Quý khách vui lòng kiểm tra./For services such as resetting the login password/Digital Token, unfreezing/reactivating the Token-key, our bank will send the new password to the email address of the above certificate holder. Please check./ 对于重置登录密码/数字密码器、解冻/重新激活密码器等业务，银行将新密码发送到以上持证人的邮箱地址。请注意查收。

Ngày/Date/日.....Tháng/Month/月.....Năm/Year/年.....

Chữ ký đại diện pháp luật hoặc người được ủy quyền và dấu công ty
Legal representative or Authorised Person(s) signs & Stamps
法人或被授权人签字，单位公章

Dành riêng cho ngân hàng/For Bank only/银行填写
Giao dịch viên/Teller/经办
Kiểm soát/Checked by/复核

Đính kèm/Attachment/附件

THÊM ID• ADD ID• 新增用户		
☐ Token-key ☐ Digital Token ☐ Vắn tin •Check •查询 ☐ Thao tác •Submit •提交 ☐ Duyệt •Authorization •审核: + Số tiền từ •Amount from •金额从:.....đến/to 至..... + Cấp duyệt thứ • Level authorization • 级授权: (Trong đó, số người tham gia duyệt nhóm này:..... Among them, the number of authorized participants in this group: 其中, 本组需参加授权人数:) ID này thuộc nhóm • This ID belongs to • 本用户属于 : ☐ 法人代表与被授权人•Legal representative and Authorized Person(s)• Người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền ☐ 会计长•Chief Accountant and Authorized Person(s)• Kế toán trưởng và người được ủy quyền	Họ và tên/Name/名称 CMT/Hộ chiếu/ID/ Passport No / 证件号码 Số điện thoại/ Phone number/手机号码 Hộp thư điện tử/Email/邮箱	
THAY ĐỔI ID• CHANGE OF ID• ID 变更		
☐ Giải băng ID/Unfreeze/解冻 ID (1) ☐ Hủy ID/Cancel/注销 ID (2) ☐ Cấp lại mật khẩu đăng nhập/Reset login password/重置登录密码 (3) ☐ ID này thuộc nhóm/This ID belongs to/本用户属于 (4): ☐ Người đại diện theo pháp luật•Legal representative•法人代表 ☐ Kế toán trưởng•Chief Accountant•会计长	Tên ID/ID Name/ID 名称 Hộp thư điện tử/Email/邮箱 Số điện thoại/Phone No./电话	
THAY ĐỔI TOKEN-KEY• CHANGE OF TOKEN-KEY• 密码器变更		
☐ Đăng ký mới/Issue/新注册 (5) ☐ Hủy/Delete/作废 (6) ☐ Thay đổi Token-key/Change Token-key/更换密码器 (7) Tài khoản thu phí/收费账号/ fee pay account. ☐ Giải băng/ Kích hoạt mới Token-key/ (8) Unfreeze/ Reactive Token-key/解冻-重新激活密码器	Tên ID/ID Name/ID 名称 Mã số Token-key/ Token-key No/密码器序列号 Hộp thư điện tử/Email/邮箱 Mã khóa(8 số)/Lockcode (8 digits) /锁码(8 位数) (Khách hàng cần làm thay đổi mục (8) vui lòng điền nội dung này /Customer applying for (8) please fill in/客户申请第(8)业 务请填写此项)	
THAY ĐỔI DIGITAL TOKEN• CHANGE OF DIGITAL TOKEN• 数字密码器变更		
☐ Đăng ký mới/Issue/新注册 (9) ☐ Hủy/Delete/作废 (10) ☐ Cấp lại mật khẩu Digital Token/Reset Digital Token password/ 重置数字密码器密码 (11)	Tên ID/ID Name/ID 名称 Hộp thư điện tử/Email	